TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2022
Về việc "Tranh chấp Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi D.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh B

2. Bà Nguyễn Thị X.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức T1 – Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Đ – Kiểm Sát Viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận M Thanh phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 631/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch Thị C, sinh năm 1976

Địa chỉ: A, đường G, Phường E, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số F Đường N, Cư xá H, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản hoà giải, nguyên đơn bà Thạch Thị Chane trình bày như sau:

Bà Thạch Thị C và ông Nguyễn Anh T2 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường P, Quận M theo Giấy chứng nhận đăng kí kết hôn số 35

quyển số 01/2004 ngày 16/3/2004. Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Nguyễn Thạch Tâm R, sinh ngày 28/4/2005.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc tuy nhiên về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống chung không hạnh phúc, các bên có khác biệt lớn về suy nghĩ, tính cách dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Hiện nay, bà và ông T2 đã ly thân.

- Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con Nguyễn Thạch Tâm R và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo hòa về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Anh T2 nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T2 không có mặt.

Tại phiên toà, bà Thạch Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Anh T2 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Thạch Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Anh T2 có địa chỉ tại Số F Đường N, Cư xá H, Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Thạch Thị C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Anh T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn

cứ Điều 238 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Thạch Thị C và ông Nguyễn Anh T2.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91 do Ủy ban nhân dân Phường P, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2002 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Anh T2 và bà Thạch Thị C là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy đã đủ cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống, giữa ông T2 và bà C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không tìm thấy sự thông cảm và chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình, vì vậy hai bên đã sống ly thân. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị C với ông Nguyễn Anh T2.

[3] Về con chung: Giao cho bà Thạch Thị C giữ nuôi trẻ Nguyễn Thạch Tâm R, sinh ngày 28/4/2005.

Bà Thạch Thị C không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: bà Thạch Thị C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn - Bà Thạch Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị C.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Anh T2.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Thạch Thị C giữ nuôi trẻ Nguyễn Thạch Tâm R, sinh ngày 28/4/2005.

Bà Thạch Thị C không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Anh T2 được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông T2 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Thạch Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006781 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M. Bà Thạch Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Thạch Thị C, bị đơn Ông Nguyễn Anh T2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q3, TP.HCM;
- Chi cục THA Dân sự QM;
- Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi D